VFM
VIETFUND MANAGEMENT

Số :2109/VFM.2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*Dear* : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30**/ *Fund name:* ***VFMVN30 ETF***
- Mã ccq/Code: **E1VFVN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* 21/09/2018
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BMP	120	0.44%
2	CII	520	0.84%
3	CTD	120	1.22%
4	CTG	1,050	1.80%
5	DHG	130	0.79%
6	DPM	440	0.50%
7	FPT	1,390	3.99%
8	GAS	270	1.96%
9	GMD	450	0.77%
10	HPG	3,610	9.23%
11	HSG	700	0.55%
12	KDC	350	0.67%
13	MBB	3,360	4.75%
14	MSN	1,190	6.88%
15	MWG	590	4.48%
16	NVL	900	3.63%
17	PLX	330	1.47%
18	PNJ	320	1.99%
19	REE	480	1.09%
20	ROS	400	1.00%
21	SAB	270	3.71%
22	SBT	770	1.01%
23	SSI	850	1.73%
24	STB	4,840	3.83%
25	VCB	1,020	4.11%
26	VIC	1,410	8.68%
27	VJC	770	7.20%
28	VNM	1,060	9.01%
29	VPB	4,110	6.63%
30	VRE	2,420	5.68%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spead between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,593,598,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,599,701,752
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 6,103,752
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán Securities symbol	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND) Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng Applied investors	Lý do State the reason

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/*Criteria*	Kỳ này/*This period* **21/09/2018**	Kỳ này/This period **20/09/2018**	Chênh lệch/ *Changes*
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	0	7	-7
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	271,500,000	271,500,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	16,200	15,960	240
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	4,331,992,344,627	4,294,414,658,171	37,577,686,456
của một lô ETF/per Creation Unit	1,599,701,752	1,585,825,206	13,876,546
của một chứng chỉ quỹ/per Share	15,997.01	15,858.25	138.76
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,057.64	1,054.11	3.53

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/*Fund Management Company VFM*

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO